

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đức Kỳ

Bà Lữ Phúc Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018. Về việc “Xin ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị R, sinh năm 1987 (Có mặt)

Cư trú: ấp Cái Rắn A, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Ru N, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Cư trú: ấp Trần Độ, xã Thạnh Phú, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 và tại phiên tòa chị Đỗ Thị R (nguyên đơn) trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị R và anh N kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện C. Chị R cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường cự cãi nhau về kinh tế gia đình và cuộc sống của gia đình ngày càng nhiều nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Chị R xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị R yêu cầu xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị R trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Gia Kh, sinh ngày 08/8/2013 và Trần Thái Ng, sinh ngày 02/01/2017, hiện 02 đang sống với chị R. Khi ly hôn chị Ril yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, chị R yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị R trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu và nợ trả: Chị R trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Ru N, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh N, biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 nhưng anh N không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh N để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh N không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị R, Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N được quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị R và anh N kết hôn ngày 16 tháng 12 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện C nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn của chị R và anh N là do vợ chồng thường cự cãi nhau về kinh tế gia đình nên không thể tiếp tục chung sống được nữa và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, đối với anh N thì không ý kiến gì về việc ly hôn của chị R. Hội đồng xét xử xét thấy, chị R và anh N đã ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay thời gian không dài nhưng anh N không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng đoàn tụ, chứng tỏ là mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị R được ly hôn với anh N.

[2] Về con: Chị R trình bày vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Gia Kh, sinh ngày 08/8/2013 và Trần Thái Ngu, sinh ngày 02/01/2017, hiện 02 đang sống với chị R. Khi ly hôn chị R yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật. Đối với anh N không có ý kiến gì về yêu cầu của chị

R. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Trần Gia Kh và Trần Thái Ngu còn nhỏ và đang sống với chị R đã đảm bảo về tinh thần cũng như các điều kiện khác. Dó đó, yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị R là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiếp tục giao Trần Gia Kh và Trần Thái Ngu cho chị R chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con thành niên.

[3] Về tài sản chung: Chị R trình bày vợ chồng không có tài sản, anh N không ý kiến gì nên không xem xét.

[4] Về nợ trả: Chị R trình bày vợ chồng không có nợ thu và nợ trả, anh N không ý kiến gì không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 27/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị R như sau:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị R được ly hôn với anh Trần Ru N.

- Về con: Tiếp tục giao Trần Gia Kh, sinh ngày 08/8/2013 và Trần Thái Ngu, sinh ngày 02/01/2017 cho chị R chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng/01 cháu. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hai con thành niên.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị R phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị R có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng

(Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004206 ngày 05/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh N phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị R có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh N được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính

